

### Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật. Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung quy định tại Chương V - Yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT. Các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

STT	Nội dung yêu cầu- Tiêu chí đánh giá	Mức điểm quy định trong HSMT	
		Điểm tối đa	Điểm tối thiểu
<b>A</b>	<b>Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật tư, vật liệu, thiết bị nhà thầu đề xuất so với yêu cầu của E-HSMT <sup>(1)</sup></b>	<b>365</b>	<b>274</b>
<b>1</b>	<b>Vật tư, vật liệu và thiết bị</b> (bao gồm các loại vật tư, vật liệu và thiết bị được nêu tại Bảng số 01 mục 2, phần II, Chương V - Yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT).	<b>56</b>	<b>42</b>
1.1	Vật tư, vật liệu và thiết bị được kê khai theo Mẫu số 18 Chương V - Yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT.	14	
	Mỗi loại vật tư, vật liệu và thiết bị kê khai không chính xác hoặc thiếu thông tin theo yêu cầu trừ 0,5 điểm.		
1.2	Vật tư, vật liệu và thiết bị phải kèm theo tài liệu chứng minh (TLCM) đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT.	42	
	Mỗi loại vật tư, vật liệu và thiết bị không có TLCM hoặc TLCM không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT trừ 1,5 điểm.		
<b>2</b>	<b>Vật tư, vật liệu, thiết bị và đồ nội thất</b> (bao gồm các loại vật tư, vật liệu, thiết bị và đồ nội thất được nêu tại Bảng số 02 & 03 mục 2, phần II, Chương V - Yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT).	<b>289</b>	<b>217</b>

2.1	Vật tư, vật liệu, thiết bị và đồ nội thất được kê khai theo Mẫu số 19, 20 Chương V - Yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT.	83	
	Mỗi loại vật tư, vật liệu, thiết bị và đồ nội thất kê khai không chính xác hoặc thiếu thông tin theo yêu cầu trừ 1 điểm.		
2.2	Vật tư, vật liệu, thiết bị và đồ nội thất phải kèm theo tài liệu chứng minh (TLCM) đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT.	206	
	Mỗi loại vật tư, vật liệu, thiết bị và đồ nội thất không có TLCM hoặc TLCM không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT trừ 2,5 điểm.		
<b>3</b>	<b>Cụm thiết bị thang máy</b> (nêu tại Bảng số 04 mục 2, phần II, Chương V - Yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT).	<b>20</b>	<b>15</b>
3.1	Cụm thiết bị thang máy được kê khai theo Mẫu số 21 Chương V - Yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT.	4	
	Cụm thiết bị thang máy không nêu hoặc thiếu thông tin theo yêu cầu trừ 4 điểm.		
3.2	Có tài liệu chứng minh (TLCM) đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT	16	
	Nếu không có TLCM hoặc TLCM không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT trừ 16 điểm.		
<b>B</b>	<b>Tổ chức mặt bằng công trường:</b> Chứng minh đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo yêu cầu tại mục 3, phần II, Chương V - Yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT.	<b>30</b>	<b>23</b>
1	Tổng mặt bằng bố trí công trình tạm, thiết bị thi công, kho bãi tập kết vật liệu, vật tư phế thải.	10	
2	Phương án tổ chức giao thông trên công trường đảm bảo có phương án thoát nạn khi xảy ra sự cố.	5	

3	Bố trí công ra vào, rào chắn, biển báo	5	
4	Giải pháp cấp điện (tính toán nhu cầu để phục vụ thi công như chiếu sáng và các máy móc thi công), cấp nước, thoát nước, liên lạc trong quá trình thi công.	10	
<b>C</b>	<b>Hệ thống tổ chức nhân sự:</b> Chứng minh đáp ứng các yêu cầu tại mục 4 phần II, Chương V - Yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT.	<b>10</b>	<b>7</b>
<b>D</b>	<b>Biện pháp tổ chức thi công chi tiết:</b> Chứng minh đáp ứng các yêu cầu tại mục 5 phần II, Chương V - Yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT.	<b>230</b>	<b>173</b>
1	Dọn dẹp mặt bằng	10	
1.1	<i>Phạm vi công việc</i>	3	
1.2	<i>Biện pháp thi công chi tiết</i>	7	
2	Kiểm tra và bảo vệ mặt bằng công trường	10	
2.1	<i>Phạm vi công việc</i>	2	
2.2	<i>Biện pháp thi công chi tiết</i>	8	
3	Công tác nền móng	20	
3.1	<i>Phạm vi công việc</i>	5	
3.2	<i>Biện pháp thi công chi tiết</i>	15	
4	Công tác bê tông	20	
4.1	<i>Phạm vi công việc</i>	5	
4.2	<i>Biện pháp thi công chi tiết</i>	15	
5	Công tác cốt thép	20	
5.1	<i>Phạm vi công việc</i>	5	
5.2	<i>Biện pháp thi công chi tiết</i>	15	
6	Công tác ván khuôn	10	
6.1	<i>Phạm vi công việc</i>	3	
6.2	<i>Biện pháp thi công chi tiết</i>	7	
7	Công tác xây	15	
7.1	<i>Phạm vi công việc</i>	3	
7.2	<i>Biện pháp thi công chi tiết</i>	12	
8	Công tác ốp	15	
8.1	<i>Phạm vi công việc</i>	3	

8.2	<i>Biện pháp thi công chi tiết</i>	12	
9	Công tác lát	15	
9.1	<i>Phạm vi công việc</i>	3	
9.2	<i>Biện pháp thi công chi tiết</i>	12	
10	Công tác thi công trần	15	
10.1	<i>Phạm vi công việc</i>	3	
10.2	<i>Biện pháp thi công chi tiết</i>	12	
11	Cửa nhôm, vách kính	15	
11.1	<i>Phạm vi công việc</i>	3	
11.2	<i>Biện pháp thi công chi tiết</i>	12	
12	Công tác cửa cuốn	15	
12.1	<i>Phạm vi công việc</i>	3	
12.2	<i>Biện pháp thi công chi tiết</i>	12	
13	Công tác chống mối	10	
13.1	<i>Phạm vi công việc</i>	3	
13.2	<i>Biện pháp thi công chi tiết</i>	7	
14	Công tác chống thấm	10	
14.1	<i>Phạm vi công việc</i>	3	
14.2	<i>Biện pháp thi công chi tiết</i>	7	
15	Công tác điện, mạng & điều hòa không khí	30	
15.1	<i>Phạm vi công việc</i>	10	
15.2	<i>Biện pháp thi công chi tiết</i>	20	
<b>E</b>	<b>Tiến độ thi công:</b> Chứng minh đáp ứng yêu cầu tại mục 6 phần II, Chương V - Yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT.	<b>100</b>	<b>75</b>
1	Có Biểu đồ tổng tiến độ, nhân lực hợp lý.	60	
2	Thời gian thực hiện gói thầu:	40	
	- Thời gian nhiều hơn BMT quy định tại Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật: được 0 điểm. - Thời gian bằng BMT quy định tại Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật: được 15 điểm và cứ giảm mỗi 2 ngày sẽ được cộng thêm 1 điểm, điểm cộng tối đa không quá 25 điểm.		
<b>F</b>	<b>Biện pháp bảo đảm chất lượng</b>	<b>175</b>	<b>131</b>

<b>I</b>	<b>Biện pháp bảo đảm chất lượng: Chứng minh đáp ứng yêu cầu tại mục 7 phần II, Chương V – Yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT.</b>	<b>135</b>	
1	Quản lý chất lượng vật tư, vật liệu, thiết bị	30	
1.1	<i>Các quy trình kiểm tra chất lượng vật tư: tiếp nhận, lưu kho, bảo quản.</i>	15	
1.2	<i>Biện pháp bảo quản vật liệu, công trình khi tạm dừng thi công, khi mưa bão.</i>	15	
2	Quản lý chất lượng cho từng loại công tác thi công xây dựng công trình (bao gồm nhưng không giới hạn các công tác đã nêu tại mục D bảng này)	45	
2.1	<i>Quy trình chuẩn bị.</i>	15	
2.2	<i>Quy trình kiểm soát, bảo đảm an toàn thi công.</i>	15	
2.3	<i>Quy trình giám sát, quản lý chất lượng thi công, tổ chức nghiệm thu nội bộ.</i>	15	
3	Quản lý tài liệu	10	
4	Công tác thí nghiệm (quy định tại điểm 7.4 mục 7 phần II, Chương V - E-HSMT)	50	
4.1	<i>Phòng thí nghiệm đề xuất</i>	10	
4.2	<i>Thí nghiệm nén tĩnh cọc</i>	30	
4.3	<i>Thiết bị phục vụ các công tác thí nghiệm khác</i>	10	
<b>II</b>	<b>Thương hiệu/hãng, xuất xứ của thiết bị/cụm thiết bị</b>	<b>40</b>	<b>30</b>
1	Đề xuất hàng hóa của các hãng	18	
	+ Thuộc các nước G7: cộng số điểm tối đa		
	+ Thuộc các nước tiên tiến khác, trừ các nước G7: cộng 80% số điểm tối đa		
	+ Thuộc Đông Nam Á: cộng 60% số điểm tối đa		
2	Đề xuất hàng hóa có xuất xứ	22	
	+ Thuộc các nước G7: cộng số điểm tối đa		
	+ Thuộc các nước tiên tiến khác, trừ các nước G7: cộng 80% số điểm tối đa		

	+ Thuộc Đông Nam Á: cộng 60% số điểm tối đa		
	+ Thuộc các nước còn lại: cộng 10% số điểm tối đa		
<b>G</b>	<b>Biện pháp an toàn, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ, an ninh trên công trường:</b> Chứng minh đáp ứng yêu cầu tại mục 8 phần II, Chương V - Yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT.	<b>60</b>	<b>45</b>
1	Quản lý an toàn trên công trường:	20	
1.1	<i>Tổ chức đào tạo, thực hiện và kiểm tra an toàn lao động.</i>	5	
1.2	<i>Biện pháp đảm bảo an toàn lao động cho từng công đoạn thi công.</i>	5	
1.3	<i>An toàn phòng chống cháy nổ trên công trường</i>	5	
1.4	<i>Đảm bảo an ninh trên công trường.</i>	5	
2	Biện pháp đảm bảo an toàn cho người và các công trình lân cận.	20	
3	Yêu cầu chính về công tác quản lý vệ sinh môi trường	20	
<b>H</b>	<b>Bảo hành, bảo trì:</b> Chứng minh đáp ứng yêu cầu tại mục 9 phần II, Chương V- Yêu cầu về kỹ thuật E-HSMT.	<b>20</b>	<b>15</b>
1	Bảo hành công trình.	10	
2	Bảo trì công trình.	10	
<b>I</b>	<b>Uy tín của nhà thầu thông qua kết quả thực hiện hợp đồng gói thầu xây lắp, EPC, EC, PC (tính từ 01/01/2023 đến thời điểm đóng thầu) của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP</b>	<b>10</b>	<b>7</b>
1	Nhà thầu không vi phạm và có văn bản cam kết: “ <i>Không vi phạm về kết quả thực hiện hợp đồng gói thầu xây lắp, EPC, EC, PC của nhà thầu theo quy định tại 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP</i> ”.	10	

2	Sau khi BMT có yêu cầu làm rõ, Nhà thầu có văn bản làm rõ đáp ứng yêu cầu theo quy định tại điểm I.1 mục này	7	
3	Nhà thầu không có văn bản cam kết theo quy định tại điểm I.1 mục này (kể cả sau khi BMT có yêu cầu làm rõ) hoặc bị BMT phát hiện: <i>"Có vi phạm về kết quả thực hiện hợp đồng gói thầu xây lắp, EPC, EC, PC của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP"</i> .	0	
<b>Tổng cộng: A + B +... + I: <sup>(2)</sup></b>		<b>1000</b>	<b>750</b>

### Ghi chú:

(1) Nguyên tắc trừ điểm của mục A như sau: Tổng số điểm trừ tối đa không vượt quá số điểm tối đa quy định cho từng nội dung chi tiết của mục A này.

Các vật tư, vật liệu, thiết bị và đồ nội thất nhà thầu có đề xuất theo yêu cầu tại Mẫu số 18, Mẫu số 19, Mẫu số 20, Mẫu số 21 Chương V –Yêu cầu về kỹ thuật nhưng thiếu TLCM thì nhà thầu sẽ được bổ sung theo yêu cầu của CĐT. Trường hợp nhà thầu không đề xuất theo Mẫu số 18, Mẫu số 19, Mẫu số 20, Mẫu số 21 Chương V –Yêu cầu về kỹ thuật thì sẽ bị trừ điểm theo quy định của E-HSMT.

(2) Nguyên tắc cộng điểm của mục F.II như sau:

STT	Tên thiết bị	Hãng sản xuất/Thương hiệu	Xuất xứ	Điểm cộng tối đa	
				Hãng sản xuất/Thương hiệu	Xuất xứ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Phân điều hòa âm trần (gồm các loại: công suất 2HP, 3HP, 3.5 HP, 4HP)			8	10
2	Thang máy chở khách			10	12
<b>Tổng cộng</b>				<b>18</b>	<b>22</b>

- Điểm cộng cho Hãng sản xuất, xuất xứ của hàng hóa (thiết bị) cụ thể = Điểm

cộng tối đa cho Hãng sản xuất, xuất xứ của hàng hóa (thiết bị) đó \* Tỷ lệ điểm cộng theo khu vực của hàng hóa đó.

- Số điểm sẽ được cộng điểm và làm tròn theo nguyên tắc lấy sau dấu phẩy “,” 02 chữ số.

- Trong trường hợp các thiết bị chính của một hệ thống hoặc một thiết bị trong phần điều hòa âm trần có hãng sản xuất, xuất xứ từ các nước khác nhau thì BMT sẽ cộng điểm cho cả hệ thống theo thiết bị có hãng sản xuất và xuất xứ được điểm cộng thấp nhất.

- Tỷ lệ cộng điểm cho hàng hóa có Hãng sản xuất, xuất xứ thuộc các nước như sau:

STT	Khu vực thuộc	Tỷ lệ điểm cộng cho Hãng sản xuất, xuất xứ của hàng hóa
1	Các nước thuộc G7	100%
2	Các nước tiên tiến khác	80%
3	Các nước Đông Nam Á	60%
4	Các nước còn lại	10%

- Các nước tiên tiến khác: là các nước tiên tiến theo thông báo của Quỹ tiền tệ quốc tế IMF tại thời điểm mở thầu trên trang <http://www.imf.org/> nhưng không bao gồm các nước thuộc G7 (đường dẫn cụ thể để tra cứu là: [World Economic Outlook Database - Groups and Aggregates \(imf.org\)](http://www.imf.org/external/eng/PR/2001/01/01/010101.htm)).

(3) E-HSDT có điểm đánh giá về mặt kỹ thuật của từng mục nêu trên không thấp hơn điểm tối thiểu và tổng số điểm kỹ thuật không nhỏ hơn 750 điểm sẽ được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật và được tiếp tục xem xét về tài chính.